

Bản án số: 57/2018/HSST

Ngày 29/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LÀO CAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Đức Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vàng Văn Phủ - Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Trung Dong - Nguyên là giáo viên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Trung Kiên - Thư ký toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2018/TLST- HS, ngày 16 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HS ngày 16/11/2018 đối với bị cáo:

Trịnh Duy T - tên gọi khác: Không - sinh ngày 19/11/1986.

Sinh tại: Huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Thôn1, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh.

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo quyết định số 82- QĐ/UBKT ngày 22/10/2018 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy T, tỉnh Thanh Hóa; Con ông Trịnh Duy C - sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị N - sinh năm 1963. Có vợ: Hà Thị P - sinh năm 1989 (đã ly hôn năm 2017) ; Bị cáo chưa có con; Bị cáo có 03 anh, chị em ruột, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật.

Bị cáo bị bắt tạm giữ 09 ngày từ ngày 16/10/2018 đến ngày 25/10/2018, được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giữ sang cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện tại ngoại tại Thôn1, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên toà.

Bị hại: Nguyễn Thị Diễm Q - sinh ngày 07/3/2003, sinh tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên toà.

Người đại diện hợp pháp cho bị hại Q là bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1978 (là mẹ đẻ của Nguyễn Thị Diễm Q)

Trú tại: Thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án như sau: Khoảng đầu tháng 4/2018, qua mạng xã hội Facebook, Trịnh Duy T và Nguyễn Thị Diễm Q quen biết và có tình cảm yêu thương nhau. Khoảng 21 giờ 30 ngày 02/10/2018, Trịnh Duy T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 36B6 - 289.69 đến quán cà phê Diễm Q thuộc thôn Km 0, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai chơi, T và Q ngồi nói chuyện với nhau tại quán, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, quán hết khách Q đóng cửa quán để đi về nhà. Lúc này T đã rủ Q đi chơi, Q đồng ý, Trịnh Duy T điều khiển xe mô tô chở Q đi đến khu vực bờ kè sông Hồng thuộc thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. T và Q ngồi ở chân lan can bờ kè Sông Hồng và nói chuyện tình cảm yêu thương, Q ngồi phía bên trái sát với T, khi ngồi nói chuyện T vòng tay trái ôm vào vai trái của Q và hôn vào môi, má Q, Q đứng dậy đi ra phía trước và ngồi lên trên hai đùi của T, lúc này T dùng tay trái vòng qua sau lưng ôm vào eo trái của Q, đồng thời luồn tay phải vào trong áo khoác sờ lên vùng ngực của Q được khoảng 01 phút thì Q gạt tay T ra rồi đứng dậy đi ra phía trước cách chỗ ngồi khoảng 01m, T đứng dậy đi theo đến gần và tiếp tục ôm hôn Q. Sau đó T bước lùi lại khoảng 20 cm, tay phải T ôm vào eo trái Q, đồng thời T đưa tay trái về sát ngang bụng vén áo Q lên và luồn tay vào bên trong quần dài và quần lót để sờ bộ phận sinh dục của Q, khi tay của T sờ vào âm đạo của Q thì Q dùng tay kéo tay T ra. T và Q tiếp tục đứng nói chuyện đến khoảng 22 giờ 40 phút cùng ngày T đưa Q về nhà tại thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đến ngày 13 tháng 10 năm 2018 Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của Nguyễn Thị Diễm Q phát hiện, đã đến Công an xã B tố cáo về hành vi của Trịnh Duy T. Tại cơ quan điều tra Trịnh Duy T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 139/GĐTD - TTPY ngày 22/10/2018 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Lào Cai đã kết luận: Tại thời điểm giám định:

- Bộ phận sinh dục trong và ngoài của Nguyễn Thị Diễm Q không bị tổn thương, màng trinh không có điểm rách cũ và mới.

- Trên cơ thể Nguyễn Thị Diễm Q không có dấu vết thương tích: Mức tổn hại sức khỏe: 0% (không phần trăm).

Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, truy tố bị cáo Trịnh Duy T về tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi ” theo khoản 1 Điều 146 Bộ luật hình sự.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Trịnh Duy T phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi ”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 146 điểm i,s,v khoản 1 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trịnh Duy T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) đến 24 (hai bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trịnh Duy T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe AIR BLADE, màu đen đỏ biển kiểm soát 36B6 - 289.69 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Trịnh Duy T, (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy S8⁺, kiểu máy SM-G955FD, số IMEI: 354359086056597, màu đen máy cũ đã qua sử dụng đã tạm giữ. Quá trình điều tra xác định chiếc xe và chiếc điện thoại trên không phải là vật chứng của vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Trịnh Duy T là đúng quy định.

+ Về Bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 592 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo T phải bồi thường do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Q theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị hại đều khai ngoài lần phạm tội trên bị cáo T còn nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô đối với bị hại. Cụ thể tối ngày 12/10/2018, tại lễ đường thuộc thôn 3, xã B huyện B, tỉnh Lào Cai. Trịnh Duy T cũng có hành vi dùng tay sờ lên ngực và bộ phận sinh dục của bị hại.

Bị cáo T khai do có quan hệ tình cảm yêu thương nhau, bị cáo và bị hại đã nhiều lần đi chơi nói chuyện và ôm hôn nhau, nhưng chỉ có 01 lần vào ngày 02/10/2018 bị cáo thực hiện hành vi dâm ô với bị hại, bị cáo đã khai nhận ở trên.

Đại diện hợp pháp cho bị hại không nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo T phạm tội “dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo khoản 1 Điều 146 Bộ luật hình sự. Đề nghị truy tố, xét xử bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên theo điểm b

khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự và yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do danh dự nhân phẩm bị xâm hại cho bị hại Q với mức tối đa là 10 tháng lương cơ bản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên toà hôm nay bị cáo Trịnh Duy T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại khẳng định ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội như bị cáo đã thừa nhận ra, bị cáo T còn nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô đối với bị hại, nhưng ngoài lời khai của bị hại và người đại diện hợp pháp bị hại ra không có tài liệu chứng cứ nào khác. Do vậy không có đủ căn cứ khẳng định bị cáo T phạm tội 02 lần trở lên mà chỉ đủ cơ sở kết luận bị cáo T là người đã thành niên lợi dụng sự nom nót của bị hại dưới 16 tuổi, bị cáo đã thực hiện hành vi sờ mó vào ngực và bộ phận sinh dục của bị hại, để thỏa mãn dục vọng, nhưng không có ý định giao cấu với bị hại đã cấu thành tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi” theo quy định tại khoản 1 Điều 146 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo T thực hiện nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và sự phát triển bình thường về tình dục của trẻ em, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Để giữ nghiêm kỷ cương pháp luật, cần phải đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật và quyết định mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện, nhằm dẫn dắt phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng, được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại các điểm i,s,v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba.

Về nhân thân của bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có nhân thân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có khả năng tự cải tạo. Nên không cần cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo được hưởng án treo vẫn phát huy tốt tác dụng giáo dục và cải tạo.

[2] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo làm nghề tự do, nên không cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 điều 146 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

- Đối với chiếc xe Mô tô và chiếc điện thoại di động tạm giữ của bị cáo T, không phải là vật chứng trong vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định của pháp luật. Nên không đề cập giải quyết.

[3] Về bồi thường dân sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa đại diện hợp pháp bị hại yêu cầu bị cáo T phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm cho bị hại bằng 10 tháng lương cơ bản do nhà nước quy định. Xét thấy bị hại sau khi xâm hại có ảnh hưởng đến việc giao tiếp với bạn bè và xã hội, kết quả học tập có sự giảm sút, ảnh hưởng đến sự phát triển tâm, sinh lý. Nên cần buộc bị cáo T phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho bị hại Q số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tương ứng với 06 tháng lương cơ sở.

[4] Về hành vi và quyết định tố tụng của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện B, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) Tổng công bị cáo T phải chịu án phí là 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 146, điểm i,s,v khoản 1 Điều 51; Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 592 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Duy T phạm tội “Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi”.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trịnh Duy T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Trịnh Duy T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

3. Về bồi thường dân sự : Buộc bị cáo Trịnh Duy T phải bồi thường thiệt hại do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm cho bị hại Nguyễn Thị Diễm Q số tiền là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*)

4. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Duy T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*). Tổng cộng bị cáo T phải chịu án phí là 600.000đ (*sáu trăm nghìn đồng*)

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; người bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Dong Vàng Văn Phủ

Ngô Đức Quang

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Bị cáo; người bị hại;
- Phòng hồ sơ NV Công an tỉnh;
- CCTHADS huyện;
- CQCSĐT Công an huyện;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- CQTHAHS Công an huyện;
- Sở Tư pháp tỉnh Lào cai;
- Lưu HS-THS-THAHS (5);

Ngô Đức Quang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lục Văn Chưởng Thảo Seo Toả

Ngô Đức Quang

